TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HỒNG BÀNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2025/LĐ-ST Ngày 23-6-2025 V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Thu

Bà Nguyễn Thị Phin

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Khiêm - Thư ký Tòa án quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Tô Việt Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2025/TLST-LĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-LĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc H; Nơi cư trú: Tổ dân phố Lê Sáng, phường An Hồng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH T P Việt Nam; Địa chỉ: Lô đất G, Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, phường An Hưng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông R S, Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH T P Việt Nam; vắng mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Bùi Thị Hà N; Nơi cư trú: Tổ dân phố Ngọ Dương 5, phường An Hòa, quận An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Bảo hiểm xã hội quận A; địa chỉ: Số 16, đường 351, phường Lê Lợi, quận An Dương, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội quận A: Ông Nguyễn Văn H, Chức vụ: Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội quận A (Giấy ủy quyền số 200/GUQ-BHXH ngày 22 tháng 5 năm 2025); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H trình bày: Tháng 12 năm 2007, chị ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH Y Hải Phòng Việt Nam và từ tháng 12 năm 2007, Công ty TNHH Y Hải Phòng Việt Nam bắt đầu đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho chị, tháng 02 năm 2008 chị nghỉ làm việc không lương, đến tháng 7 năm 2008, chị ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH K Việt Nam đến tháng 3 năm 2021. Từ tháng 4 năm 2021 chị nghỉ việc và không tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Tháng 11 năm 2007, chị có cho Chị Bùi Thị Hà N, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Ngọ Dương 5, xã An Hòa, huyện An Dương (nay là tổ dân phố Ngọ Dương 5, phường An Hòa, quận An Dương), thành phố Hải Phòng mượn hồ sơ cá nhân để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T P Việt Nam; địa chỉ tại Lô đất G, khu công nghiệp Nhật Bản, phường An Hưng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng và tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc với tên của chị là Nguyễn Ngọc H từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 3 năm 2010 thì chị N nghỉ việc và không tham gia đóng bảo hiểm xã hội nữa. Lý do chị cho chị N mượn hồ sơ cá nhân để chị N làm việc tại Công ty TNHH T P Việt Nam là do thời điểm tháng 11 năm 2007, chị N chưa đủ tuổi để đi làm. Chị chưa từng làm việc tại Công ty TNHH T P Việt Nam.

Sau khi mượn hồ sơ của chị, chị N đã ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T P Việt Nam, chị N làm việc tại Công ty TNHH T P Việt Nam nhưng tên trên hợp đồng lao động lại sử dụng tên của chị và Công ty TNHH Y Hải Phòng Việt Nam, Công ty TNHH K Việt Nam nơi chị làm việc đều tham gia đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc cho cùng một người là tên chị (Nguyễn Ngọc H) dẫn đến chị có 03 sổ Bảo hiểm xã hội, cụ thể:

- Mã số 3108016223 là mã số bảo hiểm xã hội cấp cho chị là Nguyễn Ngọc H làm việc tại Công ty TNHH Y Hải Phòng Việt Nam (đây là sổ bảo hiểm chị cùng tham gia đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian chị làm việc từ tháng 12 năm 2007 đến tháng 02 năm 2008).

- Mã số 3108054040 là mã số bảo hiểm xã hội cấp cho chị là Nguyễn Ngọc H làm việc tại Công ty TNHH K Việt Nam (đây là sổ bảo hiểm chị cùng tham gia đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian chị làm việc từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 8 năm 2012 và từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 3 năm 2021).

- Mã số 3108022468 là mã số bảo hiểm xã hội cấp cho chị là Nguyễn Ngọc H làm việc tại Công ty TNHH T P Việt Nam nhưng thực tế là Chị Bùi Thị Hà N làm việc và do chị N cùng Công ty TNHH T P Việt Nam đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 3 năm 2010 chứ không phải do chị đóng.

Do trên hệ thống của Bảo hiểm xã hội quận A chị có ba sổ bảo hiểm xã hội nên chị gặp khó khăn trong việc giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa Chị Bùi Thị Hà N (sử dụng tên Nguyễn Ngọc H) với Công ty TNHH T P Việt Nam từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 03 năm 2010 là hợp đồng vô hiệu. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu và tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Tại Công văn số 01-25 ngày 03 tháng 6 năm 2025, bị đơn Công ty TNHH T P Việt Nam trình bày: Công ty TNHH T P Việt Nam xác nhận có giao kết hợp đồng lao động với người lao động tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1989, số sổ bảo hiểm xã hội: 3108022468, số chứng minh nhân dân 031657726; địa chỉ thường trú tại xã An Hưng, huyện An Dương (nay là phường An Hưng, quận Hồng Bàng), thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Ngọc H làm việc tại Công ty và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 3 năm 2010; chị Nguyễn Ngọc H đã nghỉ việc tại Công ty từ năm 2010. Theo quy định về lưu trữ hồ sơ tuyển dụng của Công ty, hồ sơ liên quan đến chị Nguyễn Ngọc H đã không còn được lưu trữ. Công ty đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và các phiên tòa liên quan đến vụ án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 5 năm 2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chị Bùi Thị Hà N trình bày: Vào năm 2007, do chị có nhu cầu tìm việc làm nhưng chưa đủ tuổi để ký hợp đồng lao động tại các công ty, chị và chị Nguyễn Ngọc H có quan hệ quen biết nên chị đã mượn thông tin cá nhân của chị H để ký hợp đồng lao động làm việc tại Công ty TNHH T P Việt Nam; địa chỉ tại Lô đất G, khu công nghiệp Nhật Bản, phường An Hưng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 3 năm 2010 theo như chị H đã trình bày là đúng. Trong thời gian chị làm việc tại Công ty TNHH T P Việt Nam thì chị và Công ty TNHH T P Việt Nam đều tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Bảo hiểm xã hội quận A. Đến tháng 3 năm 2010, chị nghỉ việc tại Công ty TNHH T P Việt Nam và không tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nữa. Từ sau khi chị nghỉ việc đến nay, chị chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền bảo hiểm nào tại Bảo hiểm xã hội quận A. Nay chị Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa chị là Bùi Thị Hà Nga (sử dụng tên Nguyễn Ngọc H) với Công ty TNHH T P Việt Nam thời gian từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 3 năm 2010 là hợp đồng vô hiệu, chị có quan điểm đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu.

Tại Công văn số 14/BHXH ngày 06 tháng 6 năm 2025, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội quận A trình bày: Qua tra cứu trên hệ thống dữ liệu Bảo hiểm xã hội, chị Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1989 Qua tra cứu trên hệ thống dữ liệu bảo hiểm xã hội, chị Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1989 có 03 sổ bảo hiểm xã hội có mã số lần lượt là 3108022468 và 3108016223, 3108054040.

- Mã số 3108022468 tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T P

Việt Nam từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 3 năm 2010 và đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 3 năm 2010. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí tử tuất đến tháng 3 năm 2010 là 02 năm 05 tháng. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 3 năm 2020 là 01 năm 03 tháng.

- Mã số 3108016223 tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Y Hải Phòng Việt Nam từ tháng 12 năm 2007 đến tháng 02 năm 2008. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí tử tuất đến tháng 02 năm 2008 là 03 tháng.

- Mã số 3108054040 tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH K Việt Nam từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 8 năm 2012; và từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 3 năm 2021. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí, tử tuất đến tháng 3 năm 2021 là 12 năm 08 tháng. Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 3 năm 2021 là 04 tháng.

Nay chị Nguyễn Ngọc H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, Bảo hiểm xã hội quận A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bảo hiểm xã hội quận A không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 5 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc H, tuyên bố hợp đồng lao động Chị Bùi Thị Hà N sử dụng thông tin cá nhân của chị Nguyễn Ngọc H để ký với Công ty TNHH Tohoku Pioneers Việt Nam là vô hiệu.

Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H khởi kiện Công ty TNHH T P Việt Nam yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, đây là vụ án "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" quy định tại khoản 5 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có trụ sở tại phường An Hưng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng người đại diện có văn bản ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ để xác định: Vào thời gian từ tháng tháng 11 năm 2007 đến tháng 03 năm 2010, Chị Bùi Thị Hà N đã mượn hồ sơ cá nhân của chị Nguyễn Ngọc H để giao kết hợp đồng lao động vào làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T P Việt Nam với tên Nguyễn Ngọc H. Do đó, chị Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1989, chứng minh nhân dân số: 031657726 (số căn cước công dân: 031189001782) có mã số bảo hiểm xã hội là 3108022468. Việc Chị Bùi Thị Hà N sử dụng hồ sơ cá nhân của chị Nguyễn Ngọc H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T P Việt Nam là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi giao kết hợp đồng lao động đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy, hợp đồng lao động được hai bên giao kết là hợp đồng không có hiệu lực và căn cứ các điều 122, 127 và 136 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa Chị Bùi Thị Hà N (sử dụng tên Nguyễn Ngọc H) với Công ty TNHH T P Việt Nam trong thời gian từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 3 năm 2010 là hợp đồng vô hiệu.

[4] Về hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Về án phí: Xét, Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H. Tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa Chị Bùi Thị Hà N (sử dụng tên Nguyễn Ngọc H) với Công ty TNHH T P Việt Nam trong thời gian từ tháng11 năm 2007 đến tháng 3 năm 2010 là hợp đồng vô hiệu.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí lao động chị Nguyễn Ngọc H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002699 ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Chị Nguyễn Ngọc H đã nộp đủ án phí lao động sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Bùi Thị Hà N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội quận A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THA DS Q Hồng Bàng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế